

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 24/5/2026

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB7582	Hồ Huyền	Anh	13/07/2004	Hà Nội	6.0	8.17	Đạt
2	BKCB7583	Lê Phạm Minh	Anh	20/03/2004	Đồng Nai	7.0	8.83	Đạt
3	BKCB7584	Ngô Ngọc Phương	Anh	27/01/2004	Đồng Nai	5.67	7.17	Đạt
4	BKCB7585	Nguyễn Hoàng	Anh	06/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.17	Đạt
5	BKCB7586	Nguyễn Lê Trâm	Anh	24/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	7.0	Đạt
6	BKCB7587	Phạm Hải	Anh	14/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.0	Đạt
7	BKCB7588	Trần Đức	Anh	19/08/1997	Đồng Nai	7.33	8.0	Đạt
8	BKCB7589	Nguyễn Bình Thái	Bảo	11/09/2004	Bạc Liêu	7.0	7.83	Đạt
9	BKCB7590	Nguyễn Sỹ	Biên	14/02/2004	Điện Biên	7.67	9.17	Đạt
10	BKCB7591	Lâm Ngọc Quế	Châu	09/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.83	Đạt
11	BKCB7592	Lê Minh	Chí	26/06/1998	Lâm Đồng	10.0	8.67	Đạt
12	BKCB7593	Đặng Xuân	Cường	16/08/1999	Hà Tĩnh	6.0	8.67	Đạt
13	BKCB7594	Phan Công	Danh	01/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.33	Đạt
14	BKCB7595	Nguyễn Phạm Quốc	Đạt	22/12/2003	Đồng Tháp	7.0	8.33	Đạt
15	BKCB7596	Nguyễn Doãn	Diệp	13/02/1982	Hà Nội	9.67	8.17	Đạt
16	BKCB7597	Phạm Thị Ngọc	Diệp	01/05/2003	Hung Yên	7.0	8.67	Đạt
17	BKCB7598	Nguyễn Huỳnh Tâm	Đoan	13/02/2005	Vĩnh Long	10.0	8.83	Đạt
18	BKCB7599	Bùi Thị Cẩm	Dung	07/08/2006	Đồng Tháp	8.67	5.67	Đạt
19	BKCB7600	Nguyễn Thanh Thùy	Dung	15/09/1997	Tây Ninh	9.0	9.17	Đạt
20	BKCB7601	Nguyễn Tuấn	Dũng	10/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5.67	5.17	Đạt
21	BKCB7602	Thái Hoàng	Dũng	17/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.0	Đạt
22	BKCB7603	Trần Thị Thuý	Dung	13/07/2003	Đồng Tháp	7.0	5.5	Đạt
23	BKCB7604	Trương Nguyễn Anh	Dũng	11/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	7.33	Đạt
24	BKCB7605	Nguyễn Phùng	Duy	17/09/2003	Ninh Bình	8.33	8.0	Đạt
25	BKCB7606	Nguyễn Thị Việt	Hà	06/08/2004	Bắc Giang	5.33	6.17	Đạt
26	BKCB7607	Chu Thị Ngọc	Hải	11/07/1979	Hung Yên	6.67	6.5	Đạt
27	BKCB7608	Nguyễn Lương Gia	Hân	02/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	6.17	Đạt
28	BKCB7609	Phạm Gia	Hân	22/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	5.17	Đạt
29	BKCB7610	Trần Thị Kiều	Hân	06/03/2005	Gia Lai	8.0	5.0	Đạt
30	BKCB7611	Trần Thị Ngọc	Hân	01/08/1999	Đồng Nai	9.0	9.0	Đạt
31	BKCB7612	Kiều Lê Ngọc	Hằng	23/11/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	8.0	Đạt
32	BKCB7613	Nguyễn Thị Thu	Hằng	19/06/1996	Ninh Bình	7.67	8.83	Đạt
33	BKCB7614	Võ Văn	Hào	05/06/2003	Quảng Trị	10.0	9.17	Đạt
34	BKCB7615	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	17/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.0	Đạt
35	BKCB7616	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	20/03/1987	Quảng Trị	10.0	8.67	Đạt
36	BKCB7617	Thân Đỗ Mỹ	Huệ	29/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.83	Đạt
37	BKCB7618	Huỳnh Quốc	Hung	17/01/1998	Cà Mau	9.67	9.0	Đạt
38	BKCB7619	Phan Huỳnh	Hương	23/07/2003	Gia Lai	9.67	8.67	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
39	BKCB7620	Hoàng Đình	Huy	02/05/2003	Tây Ninh	10.0	8.83	Đạt	
40	BKCB7621	Lê Thị	Huyền	07/09/1996	Hà Tĩnh	7.33	8.67	Đạt	
41	BKCB7622	Nguyễn Thị Kim	Huyền	03/02/2007	Tây Ninh	8.33	8.17	Đạt	
42	BKCB7623	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	14/07/2004	Hải Phòng	10.0	8.17	Đạt	
43	BKCB7624	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	26/07/2006	An Giang	9.33	9.0	Đạt	
44	BKCB7625	Phạm Đăng	Khoa	01/12/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	7.83	Đạt	
45	BKCB7626	Phạm Nguyễn Đăng	Khoa	19/03/2003	An Giang	7.33	7.67	Đạt	
46	BKCB7627	Nguyễn Trần Tuấn	Khôi	21/03/2005	Hung Yên	9.67	8.67	Đạt	
47	BKCB7628	Trần Nguyễn Đăng	Khôi	05/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.0	Đạt	
48	BKCB7629	Mai Nguyễn Thảo	Khuê	26/08/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.0	Đạt	
49	BKCB7630	Dương Mỹ Minh	Khuong	07/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.5	Đạt	
50	BKCB7631	Lê Minh Tuấn	Kiệt	31/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.67	Đạt	
51	BKCB7632	Võ Sơn	Kiệt	25/09/2002	Nghệ An	8.33	9.0	Đạt	
52	BKCB7633	Nguyễn Thị Hải	Kiều	17/02/1999	Lâm Đồng	9.33	9.17	Đạt	
53	BKCB7634	Lê Nguyễn Mỹ	Kim	25/10/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	7.67	Đạt	
54	BKCB7635	Nguyễn Thị Ngọc	Lam	10/01/2006	Lâm Đồng	9.33	8.33	Đạt	
55	BKCB7636	Huỳnh Thuý	Lâm	27/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.83	Đạt	
56	BKCB7637	Dương Thị Phương	Lan	19/09/2003	Tây Ninh	7.0	6.17	Đạt	
57	BKCB7638	Trần Thanh	Lê	21/12/2003	Bến Tre	6.33	7.5	Đạt	
58	BKCB7639	Đỗ Mai	Linh	16/10/1996	Hà Nội				Vắng
59	BKCB7640	Dương Kiều	Linh	22/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	5.0	9.0	Đạt	
60	BKCB7641	Nguyễn Ngọc	Linh	01/02/2002	Đắk Nông	8.0	9.17	Đạt	
61	BKCB7642	Lý Nguyễn Trúc	Linh	22/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.33	Đạt	
62	BKCB7643	Nguyễn Trung	Lương	25/10/2006	Đắk Lắk	6.0	8.33	Đạt	
63	BKCB7644	Nguyễn Hoàng Khánh	Ly	22/09/2004	Quảng Trị	7.33	8.5	Đạt	
64	BKCB7645	Châu Gia	Mẫn	10/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	7.33	Đạt	
65	BKCB7646	Hà Phú	Mỹ	31/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	8.67	Đạt	
66	BKCB7647	Nguyễn Hoài	Nam	30/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
67	BKCB7648	Nguyễn Nhật	Nam	16/09/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.5	Đạt	
68	BKCB7649	Nguyễn Duyên Tuyết	Ngân	25/12/2003	Quảng Ngãi	8.0	6.17	Đạt	
69	BKCB7650	Nguyễn Mai Kim	Ngân	18/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	5.67	5.17	Đạt	
70	BKCB7651	Trần Mộng	Nghi	26/12/2004	Cà Mau	9.0	8.83	Đạt	
71	BKCB7652	Nguyễn Kim Bằng	Nghị	10/01/2007	Hà Tĩnh				Vắng
72	BKCB7653	Nguyễn Trường	Nghĩa	25/10/2001	Đắk Lắk	9.67	9.0	Đạt	
73	BKCB7654	Dương Kim	Ngọc	17/05/2001	An Giang	9.33	7.33	Đạt	
74	BKCB7655	Trần Thị Kim	Ngọc	03/04/2003	An Giang	10.0	9.17	Đạt	
75	BKCB7656	Võ Thị Hồng	Ngọc	20/08/2002	Đồng Tháp	10.0	7.83	Đạt	
76	BKCB7657	Huỳnh Thanh	Nhã	26/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
77	BKCB7658	Phan Nguyệt	Nhàn	18/11/2004	An Giang	9.0	9.5	Đạt	
78	BKCB7659	Trần Trung	Nhân	07/11/2006	An Giang	7.33	7.83	Đạt	
79	BKCB7660	Huỳnh Thị Thanh	Nhi	18/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.17	Đạt	
80	BKCB7661	Nguyễn Thị Lâm	Nhi	10/02/2004	Đắk Lắk	9.33	8.67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
81	BKCB7662	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	01/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	6.83	Đạt	
82	BKCB7663	Trần Ngọc	Nhi	25/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	7.0	Đạt	
83	BKCB7664	Mạc Thảo	Như	19/06/2004	Đồng Nai	6.33	5.83	Đạt	
84	BKCB7665	Nguyễn Cao Quỳnh	Như	25/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.83	Đạt	
85	BKCB7666	Phạm Hoài	Như	07/05/2003	Hà Tĩnh				Vắng
86	BKCB7667	Phạm Thụy Huyền	Nhung	22/07/2004	Đồng Nai	5.67	5.5	Đạt	
87	BKCB7668	Lê Minh	Nhật	14/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	5.33	Đạt	
88	BKCB7669	Kỳ Thị Kiều	Oanh	05/01/2003	Bạc Liêu	9.0	8.83	Đạt	
89	BKCB7670	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Oanh	17/12/2003	Đồng Tháp	8.67	6.33	Đạt	
90	BKCB7671	Trần Hoàng	Phát	30/11/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	7.83	Đạt	
91	BKCB7672	Võ Hữu	Phát	13/04/2003	Tây Ninh	9.67	8.33	Đạt	
92	BKCB7673	Đình Tâm	Phúc	26/03/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.33	Đạt	
93	BKCB7674	Vũ Minh Hồng	Phước	14/01/2002	Cần Thơ	9.33	7.33	Đạt	
94	BKCB7675	Hoàn Minh	Quân	16/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	8.5	Đạt	
95	BKCB7676	Trần Đỗ Hồng	Quân	08/05/2003	Gia Lai	9.67	9.5	Đạt	
96	BKCB7677	Huỳnh Dương Phú	Quý	03/04/2003	An Giang	9.67	8.5	Đạt	
97	BKCB7678	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	24/05/2003	Quảng Ngãi	9.67	8.0	Đạt	
98	BKCB7679	Phan Thị Mỹ	Quyên	15/08/2006	Khánh Hòa	8.33	5.5	Đạt	
99	BKCB7680	Trần Nguyễn Phương	Quyên	24/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	6.0	Đạt	
100	BKCB7681	Trần Thị Thúy	Quyên	05/09/2005	An Giang	9.0	8.83	Đạt	
101	BKCB7682	Hoàng Lê	Quyên	03/05/2003	Quảng Ngãi	9.0	8.17	Đạt	
102	BKCB7683	Đỗ Thị Diễm	Quỳnh	11/03/2002	Bình Định	10.0	9.17	Đạt	
103	BKCB7684	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20/11/2005	Đồng Nai	7.67	9.0	Đạt	
104	BKCB7685	Trần Hữu Bảo	Tâm	07/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	6.0	Đạt	
105	BKCB7686	Võ Ngọc Minh	Tâm	27/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.33	Đạt	
106	BKCB7687	Trần Hồng	Thắm	13/01/2007	Vĩnh Long	8.67	6.33	Đạt	
107	BKCB7688	Tô Quang	Thắng	12/12/1996	Hà Tĩnh	8.67	9.33	Đạt	
108	BKCB7689	Đào Xuân	Thắng	01/02/2002	Đồng Nai	6.0	8.67	Đạt	
109	BKCB7690	Cù Hoài Trúc	Thảo	16/04/2004	Lâm Đồng	8.33	9.0	Đạt	
110	BKCB7691	Đoàn Thị Thanh	Thảo	30/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.33	Đạt	
111	BKCB7692	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	16/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.17	Đạt	
112	BKCB7693	Nguyễn Nhật Hoàng	Thư	06/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	8.83	Đạt	
113	BKCB7694	Lê Thị Hoài	Thương	05/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
114	BKCB7695	Trần Diệu	Thùy	26/08/2005	Cà Mau	9.0	8.17	Đạt	
115	BKCB7696	Phan Thị Cẩm	Thụy	29/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	9.17	Đạt	
116	BKCB7697	Trần Gia	Thụy	16/10/2006	An Giang	9.67	9.17	Đạt	
117	BKCB7698	Nguyễn Thị Thu	Tiên	16/07/2004	Đồng Nai	8.33	8.83	Đạt	
118	BKCB7699	Trần Thị Ngọc	Trâm	05/09/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.33	Đạt	
119	BKCB7700	Lê Thị Thuý	Trang	01/02/2005	Đồng Tháp	9.67	8.0	Đạt	
120	BKCB7701	Nguyễn Thị Phương	Trang	16/08/2006	Khánh Hòa	4.67	0.0	Không đạt	
121	BKCB7702	Trần Ngọc Diễm	Trang	19/08/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.83	Đạt	
122	BKCB7703	Trần Thị Thu	Trang	27/09/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
123	BKCB7704	Nguyễn Bùi Thảo	Trang	07/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.0	Đạt
124	BKCB7705	Ngô Quang	Trọng	06/10/2006	Lâm Đồng	9.67	8.33	Đạt
125	BKCB7706	Nguyễn Thanh	Trúc	13/07/2003	Phú Yên	8.67	6.5	Đạt
126	BKCB7707	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	18/12/1999	Lâm Đồng	9.67	8.67	Đạt
127	BKCB7708	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	10/09/2005	Quảng Ngãi	9.67	8.0	Đạt
128	BKCB7709	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	21/07/2000	Bình Định	7.33	8.17	Đạt
129	BKCB7710	Nguyễn Võ Ngọc Bích	Uyên	05/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	8.33	Đạt
130	BKCB7711	Trần Thị Tố	Uyên	14/01/2007	Nghệ An	6.0	6.5	Đạt
131	BKCB7712	Lâm Thanh	Vi	19/06/2004	Tiền Giang	6.33	8.83	Đạt
132	BKCB7713	Vương Ngọc	Vinh	28/08/2003	Bình Định			Vắng
133	BKCB7714	Nguyễn Tuấn	Vũ	23/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.0	Đạt
134	BKCB7715	Đặng Lê Khánh	Vy	20/01/2005	Khánh Hòa	8.67	9.0	Đạt
135	BKCB7716	Lê Nguyễn Ý	Vy	07/06/2004	Đồng Nai	7.67	6.67	Đạt
136	BKCB7717	Hoàng Đặng Thảo	Vy	11/09/2004	Lâm Đồng	7.33	8.5	Đạt
137	BKCB7718	Trương Yên	Xuân	09/10/2006	Đồng Nai	7.67	9.0	Đạt

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) ≥ 5 và Điểm thực hành ≥ 5

Số lượng thí sinh: **137**
Số lượng hiện diện: **130**

Số thí sinh đạt: **129**

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam